

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN DU HỌC T&T**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN DU HỌC T&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&T INVESTMENT AND STUDY ABROAD CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110082189

**3. Ngày thành lập:** 03/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 26, ngõ 108/50 đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986732919

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                      | 8230     |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                               | 8511     |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                              | 8512     |
| 5.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                              | 8521     |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                       | 8522     |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                   | 8523     |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                 | 8531     |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                              | 8532     |
| 10. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                               | 8533     |
| 11. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                  | 8551     |
| 12. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                    | 8552     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul>        | 8559        |
| 14. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn du học (Điều 106 nghị định 46/2017/NĐ-CP)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560(Chính) |
| 15. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619        |
| 16. | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6810        |
| 17. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);</li> <li>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014);</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);</li> </ul> | 6820        |
| 18. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động cung cấp, tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý như: tư vấn, hỗ trợ kinh doanh; tư vấn lập chiến lược, kế hoạch hoạt động kinh doanh; quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường; tư vấn chính sách nguồn nhân lực; tư vấn biện pháp thực thi kế hoạch hoạt động kinh doanh.</li> </ul>                                   | 7020        |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5510        |
| 22. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5590        |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                          | 5629 |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.                                      | 7830 |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                | 7911 |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                         | 7912 |
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                         | 8211 |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Chuẩn bị tài liệu;<br>- Soạn thảo và sửa chữa văn bản;<br>- Photocopy;<br>- Dịch vụ hỗ trợ thư ký; | 8219 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC ANH | CH1004-A14A2 KĐT Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 0241900062<br>35                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                               | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                               |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | LÊ THỊ THỦY      | Số 26 hẻm 475/20/63 đường Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 210.000 | 2.100.000.000 | 42,000 | 038185001918 |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 210.000 | 2.100.000.000 | 42,000 |              |
|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |
| 3 | NGUYỄN TIẾN TOÀN | CH1004-A14A2 KĐT Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 240.000 | 2.400.000.000 | 48,000 | 024091003927 |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 240.000 | 2.400.000.000 | 48,000 |              |
|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024091003927

Ngày cấp: 30/05/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *CH1004-A14A2 KĐT Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CH1004-A14A2 KĐT Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội